TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2026/QĐST- DS	*Quảng Trị, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2026;

Xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 193/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V). Địa chỉ: Số 89 Láng H, phường Đống Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T - Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý Khách hàng cá nhân 03. Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Nhật L và ông Đinh Mạnh H – Cán bộ xử lý nợ, địa chỉ: Tầng 2 V, số 59 Tố H, phường Đồng H, Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1961. Địa chỉ: TDP Thuận H, phường Đồng S, tỉnh Quảng Trị. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: TDP Nam T, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn D, sinh năm 1963 và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1966. Địa chỉ: TDP Nam T, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ các Hợp đồng cho vay đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V (V) và ông Hồ Văn H cụ thể: Hợp đồng cho vay số LN2310030442751 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392545 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2310030442601 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2408303623614 ký ngày 13/09/2024 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392337 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392270 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392613 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392420 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2310030442894 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2310030442052 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392499 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392459 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2310030442445 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2309270392588 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay số LN2310030443050 ký ngày 12/10/2023 và toàn bộ văn kiện tín dụng kèm theo; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10264593 ký ngày 13/09/2024 và toàn bộ Khế ước nhận nợ kèm theo:

* **Về tiền nợ gốc và nợ lãi:** Các bên đương sự đều thống nhất tính đến ngày 05/3/2026, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của ông Hồ Văn H tại Ngân hàng TMCP V (V) là: **20.776.465.833 đồng**, trong đó: Nợ gốc 18.830.739.986 đồng; Nợ lãi trong hạn: 50.694.457 đồng; Nợ lãi quá hạn 1.895.031.390 đồng.

* **Thời hạn trả số tiền gốc và lãi:** Các bên đã thống nhất phương án và thời gian trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V) như sau:

Chậm nhất đến hết ngày 05/5/2026, ông Hồ Văn H phải trả cho V tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại nêu trên là: 20.776.465.833 đồng, trong đó: Nợ gốc 18.830.739.986 đồng; Nợ lãi trong hạn: 50.694.457 đồng; Nợ lãi quá hạn 1.895.031.390 đồng.

Kể từ ngày 06/3/2026, V được tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày thực tế ông Hồ Văn H thực tế thanh toán hết nợ cho V.

* **Về xử lý tài sản bảo đảm thế chấp:**

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng

đất tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ: Xã Thuận Đ, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (nay là Xã Thuận Đ, phường Đồng S, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 515382, số vào sổ cấp GCN: CH01767 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/04/2017. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số LN2309190304778 ký ngày 11/10/2023 giữa Ông Hồ Văn D và bà Trịnh Thị V và V. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Hồ Văn D và bà Trịnh Thị V để đảm bảo cho khoản vay của ông Hồ Văn H tại V. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Hồ Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Hồ Văn D và bà Trịnh Thị V để thu hồi nợ cho V là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12, tại địa chỉ: Xã Thuận Đ, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (nay là Xã Thuận Đức, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 515382, số vào sổ cấp GCN: CH01767 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/04/2017 theo Hợp đồng thế chấp số LN2309190304778 ký ngày 11/10/2023 giữa Ông Hồ Văn D và bà Trịnh Thị V và V.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành các biện pháp kê biên, phát mãi các tài sản khác của ông Hồ Văn H cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự thống nhất thoả thuận ông Hồ Văn H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành để sung quỹ nhà nước số tiền **64.388.232 đồng**. Nhưng ông Hồ Văn H thuộc đối tượng người cao tuổi và đã có đơn đề nghị Toà án miễn án phí dân sự theo quy định, do đó ông Hồ Văn H thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên không phải xử lý ½ số tiền án phí ông Hồ Văn H phải chịu nộp. Ông Hồ Văn H chịu nộp ½ số tiền án phí thỏa thuận nộp thay cho nguyên đơn để sung quỹ nhà nước là **32.194.116 đồng**.

Ngân hàng TMCP V (V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V) số tiền tạm ứng án phí là 63.723.405 đồng

(Sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm lẻ năm đồng chẵn) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001856, Ký hiệu: BLTU/25E ngày 19 tháng 11 năm 2025.

*** Về chi phí thẩm định tại chỗ:** Các đương sự thống nhất thoả thuận bị đơn ông Hồ Văn H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*). Do V đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và chi đủ toàn bộ số tiền chi phí thẩm định trên nên bị đơn ông Hồ Văn H có trách nhiệm chuyển trả cho V số tiền 5.400.000 đồng nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 1 – Quảng Trị;*
- *TAND tỉnh Quảng Trị;*
- *THADS tỉnh Quảng Trị;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa